

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện C Đà Nẵng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua vật tư tiêu hao Thận nhân tạo và Khí Y tế, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện C Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 122 đường Hải Phòng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

KS. Đặng Hữu Quý, SĐT: 0905 188 219; Email: vattubvc@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại phòng Văn thư-Bệnh viện C Đà Nẵng. Đ/c: Số 122 đường Hải Phòng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng trong giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu.

- Địa chỉ mail: vattubvc@gmail.com nhận file mềm và bản scan.

4. Thời hạn nhận báo giá: Từ 08h00 phút ngày 14 tháng 7 năm 2023 đến trước 16h30 phút ngày 25 tháng 7 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày phát hành.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị): Chi tiết bảng mô tả đính kèm **phụ lục 1**.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế như sau:

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện C Đà Nẵng. Đ/c: Số 122 đường Hải Phòng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản và đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

- Thời gian cung ứng dự kiến 09 tháng liên tục kể từ Quý III năm 2023.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không.

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 120 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

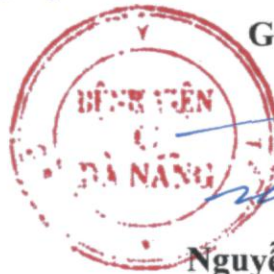
a. Báo giá theo mẫu phụ lục 2 đính kèm thông báo này.

b. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế báo giá (bản giấy hoặc file mềm gửi trực tiếp về địa chỉ của bệnh viện hoặc email quy định tại khoản 3 mục I - Yêu cầu báo giá).

c. Trường hợp bản giấy chậm trễ trong quá trình vận chuyển gửi về địa chỉ nhận trực tiếp của bệnh viện quy định tại khoản 3 mục I - Yêu cầu báo giá. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải có file mềm và bản scan của Hồ sơ báo giá theo quy định tại điểm a, b khoản 5 mục này gửi về địa chỉ email của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá trước ngày kết thúc thời hạn nhận báo giá quy định tại khoản 4, mục I - Yêu cầu báo giá; bản giấy phải được gửi về Bệnh viện C Đà Nẵng chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tiếp nhận báo giá.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu VT, VTTB



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Thiện

PHỤ LỤC 1

BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ/ LINH KIỆN, PHỤ KIỆN, VẬT TƯ THAY THẾ SỬ DỤNG CHO TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số: 1097/BVC-VTTB, ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Bệnh viện C Đà Nẵng)

| STT | Danh mục hàng hóa | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Số lượng/ khối lượng | Đơn vị tính | Qui cách |
|----------|--|--|----------------------|-------------|----------|
| I | Vật tư thận nhân tạo | | | | |
| 1 | Dịch lọc thận A | Thành phần trong 1000ml dung dịch gồm: - Natri clorid: 210.68g, Kali clorid: 5.22g, Calci clorid.2H2O: 9.00g, Magnesi clorid.6H2O: 3.56g, Acid aCE hoặc tương đương bằng: 6.31g, Dextrose monohydrat: 38.50g - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 13485:13959 vừa đủ 1000ml hoặc tương đương | 5.600 | can | 10lit |
| 2 | Dịch lọc thận B | Thành phần trong 1000ml dung dịch gồm: - Natri bicarbonat: 84.0g - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 13485:13959 vừa đủ 1000ml hoặc tương đương | 7.500 | can | 10lit |
| 3 | Bộ dây máu chạy thận nhân tạo có túi báo áp lực 8.25mm | Phù hợp với tất cả các loại máy chạy thận nhân tạo. Kích thước (ID x OD x L) : 8.25 x 12.55 x 410 (mm). Thể tích mỗi : 152 ml - Ống dây (Tube): Chất liệu nhựa PVC được phép sử dụng trong y tế, Latex Free, Non pyrogenic (Có cam kết của nhà sản xuất). Điểm lấy máu: Có chặn ngón tay rộng, để tránh rỉ ro khi trích máu - Có bộ phận phát hiện thiếu máu động mạch, kích thước đoạn dây nối từ bộ phận này đến đoạn vuốt máu: 4.6x 6.8x100 (mm) - Bầu tĩnh mạch có màng lọc. Có kẹp, để chặn các đoạn trên dây máu khi cần thiết -Tiệt trùng: Bằng tia Gamma, hơi nước hoặc ETO. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. | 19.300 | bộ | |
| 4 | Quả lọc thận nhân tạo high Flux | Quả lọc khô, Chất liệu màng lọc: Triacetate - Polysulfone Tiệt trùng: Bằng tia Gamma. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Diện tích bề mặt: $\geq 1.5m^2$, PTM/TMP Max: 500 mmHg, Hệ số siêu lọc (KUF): 2980ml/hr/100mmHg, Chiều dài hiệu quả: 227mm, Đường kính trong: 200 μm , Chiều dày màng lọc: 15 μm , | 2.880 | quả | |

| STT | Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Số lượng/ khối lượng | Đơn vị tính | Qui cách |
|-----|---|--|----------------------|-------------|----------|
| | | <p>Thể tích mỗi: 90 ml. Hệ số thanh thải (ml/min): Urea: 196, Creatinine: 188, Phosphate: 182, Vitamin B12: 133, Myoglobin: 39. Lưu lượng máu (QB): 200 ml/phút</p> | | | |
| 5 | Kim luồn động tĩnh mạch dùng cho thận nhân tạo (AVF) 16G hoặc tương đương | <p>Kim (AVF Canula): Chiều dài: 1' (25mm), đường kính: 1.6 mm, độ dày: 0.1 mm. Chất liệu: Thép không gỉ SUS 304. Mặt sau có lỗ Back eye. Thành kim siêu mỏng nhưng vẫn đảm bảo độ chắc chắn. Dây gắn với kim (AVF Tube): Chiều dài: 300 mm, thể tích mỗi: 2.8 ml /min, đường kính trong: 3.5mm. Chất liệu: Polyvinylchloride, có điểm đánh dấu vị trí kim (Đen và đỏ); Có kẹp, có cánh xoay hoặc cố định, đầu nối Luer. Tiệt trùng: Bằng tia Gamma hoặc ETO. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p> | 31.500 | quả | |
| 6 | Quả lọc thận nhân tạo low Flux | <p>Màng lọc low flux. Chất liệu màng lọc: Polynephron (Polyethersulfone). Diện tích màng lọc: $\geq 1.3m^2$, Thể tích máu mỗi: $\leq 91ml$, Chiều dài hiệu quả: ≥ 259 mm, Đường kính trong: $\geq 200 \mu m$, Chiều dày màng lọc: $\geq 40 \mu m$, Chất liệu màng: Polyethersulfone., Tiệt trùng: tia Gamma - Hệ số siêu lọc: ≥ 16 ml/hr/mmHg, Tốc độ thanh thải: Urea: ≥ 194 (ml/min), Creatinine: ≥ 187 (ml/min), Phosphate: ≥ 161 (ml/min), Vitamin B 12: ≥ 101 (ml/min)</p> | 1.100 | quả | |
| 7 | Quả lọc thận nhân tạo middle Flux | <p>Màng lọc middle flux. Chất liệu màng lọc làm từ sợi tự nhiên cellulose triacetate. Diện tích màng lọc: $1,5m^2$; thể tích máu mỗi: ≤ 90 ml. Chiều dài hiệu quả: $\geq 227mm$; đường kính trong: $\geq 200\mu m$. Chiều dày màng lọc: $\geq 15\mu m$; chất liệu màng: Triacetate. Tiệt trùng: tia Gamma - Hệ số siêu lọc: ≥ 2.050 ml/hr/100mmHg, tương đương 20.5 ml/hr/mmHg, Tốc độ thanh thải: Urea: ≥ 191(ml/min), Creatinine: ≥ 181 (ml/min), Phosphate: ≥ 169 (ml/min), Vitamin B 12: ≥ 121 (ml/min), Myoglobin: ≥ 25 (ml/min)</p> | 650 | can | |
| 8 | Quả lọc thận nhân tạo middle Flux | <p>- Quả lọc khô, Chất liệu màng lọc: POLYNEPHRON, Tiệt trùng: Bằng tia Gamma, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Diện tích bề mặt: $1.7m^2$, Max. TMP: 500 mmHg,</p> | 1.060 | cái | |

| STT | Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Số lượng/ khối lượng | Đơn vị tính | Qui cách |
|-----------|--|---|-------------------------|-------------|-------------------|
| | | - Hệ số siêu lọc (KUF): ≥ 22 (ml/h/mmHg), - Chiều dài hiệu quả : 271 mm, Đường kính trong : 200 μ m, - Chiều dày màng lọc : 40 μ m, Thể tích mỗi : 108 ml - Hệ số thanh thải (ml/phút): Urea: 270, Creatinine: 251, Phosphate : 221, Vitamin B12: 143 - Lưu lượng máu (QB): 300 ml/phút | | | |
| 9 | Dịch ngâm màng lọc | Acid Peracetic: 5.00% Acetic Acid 7.83% Hydrogen Peroxid 26.53% Sử dụng: 20 - 40 ml /quả lọc thận nhân tạo để khử trùng | 25 | can | |
| 10 | Gar thận nhân tạo vô trùng 3,5x4,5x80lớp | Kích thước: 3,5cm x4,5cmx80lớp, cản quang, vô trùng. | 18.000 | can | |
| 11 | Halogen Lamp | Bóng đèn Halogen sử dụng trong máy sinh hóa, tương thích với máy Adiva 1800, 12V, thời hạn sử dụng ≥ 2000 giờ. | 01 | cái | |
| II | Khí Y tế | | | | |
| 1 | Khí Oxygen 6m ³ (40 lít-1850 PSI) | 40 lít - 1850PSI | 375 | Bình | 6m ³ |
| 2 | Khí Oxygen 0,5m ³ (<20 lít-1850PSI) | < 20lít - 1850PSI | 90 | Bình | 0,5m ³ |
| 3 | Khí CO ₂ | Sử dụng trong y tế, hàm lượng $\geq 99,9\%$ V | 225 | Kg | |
| 4 | Oxy y tế dạng lỏng, Chất lượng $\geq 99,6\%$ | Hàm lượng $\geq 99,6\%$ V | 112.500 | Kg | |

PHỤ LỤC 2

MẪU BÁO GIÁ

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số ~~1097~~/BVC-VTTB ngày ~~14~~ tháng 7 năm 2023 của Bệnh viện C Đà Nẵng)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện C Đà Nẵng

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số ~~1097~~/BVC-VTTB ngày ~~14~~ tháng ~~7~~ năm 2023 của Bệnh viện C Đà Nẵng, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

| STT | Danh mục hàng hóa | Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất (3) | Mã HS (4) | Năm sản xuất (5) | Xuất xứ (6) | Số lượng/ khối lượng (7) | Đơn giá (8) (VND) | Chi phí cho các dịch vụ liên quan (9) (VND) | Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (10) (VND) | Thành tiền (11) (VND) |
|-----|-------------------|---|-----------|------------------|-------------|--------------------------|-------------------|---|---------------------------------------|-----------------------|
| 1 | .. | | | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | | | |

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [Ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1 – Yêu cầu báo giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

... , ngày ... tháng ... năm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp (12)

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục" trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục" trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.